TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 28/2019/QĐST-HNGĐ	*M, ngày 06 tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 03/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị T, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện M, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Anh L, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện M, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 02 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 02 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Chị T và anh L thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị T và anh L thống nhất giao cháu Y, sinh ngày 06/4/2008 cho anh L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao cháu N, sinh ngày 15/9/2010 cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Hiện cháu Y đang sống chung với anh L, cháu N đang sống chung với chị T.

Chị T không trực tiếp nuôi cháu L, có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc cháu L, không ai được cản trở. Anh L không trực tiếp nuôi cháu N, có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc cháu N, không ai được cản trở.

2.3. Về cấp dưỡng: Chị T và anh L không phải cấp dưỡng nuôi con, do cả chị Mai và anh Tấn không đặt ra yêu cầu.

2.4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh L chung sống với nhau không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Án phí Dân sự về Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, do hòa giải thành được giảm 50% bằng 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng). Chị T và anh L mỗi người phải chịu 75.000 đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng) nhưng chị Mai tự nguyện nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng). Chị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0013335 ngày 07/01/2019, chuyển thu 150.000 đồng, được hoàn lại 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện M;
- THADS huyện M;
- UBND xã V, huyện M;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thụy Lan Chi